

12月（師走）行事予定

【家庭向け】

※斜字表示は年間行事予定からの変更を意味します。

給食回数	1年	2年	3年
	17	17	17

第 1 週				第 2 週				第 3 週				第 4 週				第 5 週													
C時間割B				C時間割A				C時間割B				C時間割A																	
1年	2年	3年		1年	2年	3年		1年	2年	3年		1年	2年	3年		1年	2年	3年											
1 日 (月)	○	1	g1	g1	g1	8 日 (月)	○	1	g1	g1	g1	15 日 (月)	○	1	g1	g1	g1	22 日 (月)	○	1	g1	g1	g1	29 日 (月)		*	*	*	授
月 1 ～ 5 + 木 5		2	g2	g2	g2	期末懇談日③		2	g2	g2	g2	薬物乱用防止教室 (6)		2	g2	g2	g2			2	g2	g2	g2	冬季休業		*	*	*	*
3 年T&P(国)		3	g3	g3	g3	月 1 2 5 学		3	g5	g5	g5			3	g3	g3	g3			3	g3	g3	g3			*	*	*	*
ジャージ登校3日間		4	g4	g4	g4			4	学	学	学			4	g4	g4	g4	6組小中交流会 (福住小)		4	g4	g4	g4	学校閉鎖日～		*	*	*	*
清掃強化日① 献子供サミット		5	g5	g5	g5			5	/	/	/			5	g5	g5	g5	1年集会 (6)		5	g5	g5	g5			*	*	*	*
学校評価アンケート (朝)		6	/	/	/	諸費再引落日		6	/	/	/			6	道	道	道			6	学	学	学	諸費引落日 (最終)		*	*	*	*
2 日 (火)	○	1	k1	k1	k1	9 日 (火)	○	1	m1	m1	m1	16 日 (火)	○	1	k1	k1	k1	23 日 (火)	○	1	k1	k1	k1	30 日 (火)		*	*	*	*
		2	k2	k2	k2	期末懇談日④		2	m2	m2	m2			2	k2	k2	k2			2	k2	k2	k2	冬季休業		*	*	*	*
清掃強化日②		3	k3	k3	k3	木 1 2 5 6		3	m5	m5	m5			3	k3	k3	k3			3	k3	k3	k3			*	*	*	*
火曜授業 + 木 5		4	k4	k4	k4			4	m6	道	道	火 1 ～ 5 + 月 3		4	k4	k4	k4			4	k4	k4	k4	学校閉鎖日～		*	*	*	*
3 年T&P(数)		5	k5	k5	k5			5	/	/	/			5	k5	k5	k5			5	k5	k5	k5			*	*	*	*
		6	m5	m5	m5			6	/	/	/			6	g3	g3	g3	3年集会 (6)		6	道	道	道			*	*	*	*
3 日 (水)	○	1	s1	s1	s1	10 日 (水)	○	1	s2	s2	s2	17 日 (水)	○	1	s1	s1	s1	24 日 (水)	○	1	n1	n1	n1	31 日 (水)		*	*	*	*
清掃強化日③		2	s2	s2	s2	期末懇談日⑤		2	s3	s3	s3			2	s2	s2	s2	金 1 2 3 5 水 1		2	n2	n2	n2	冬季休業		*	*	*	*
		3	s3	s3	s3			3	s4	s4	s4			3	s3	s3	s3			3	n3	n3	n3			*	*	*	*
3 年T&P(社)		4	s4	s4	s4	水 2 3 4 5		4	s5	s5	s5			4	s4	s4	s4			4	n5	n5	n5	学校閉鎖日～		*	*	*	*
		5	s5	s5	s5			*	/	/	/			5	s5	s5	s5			5	s1	s1	s1			*	*	*	*
		6	道	道	道			*	/	/	/			6	学	学	学			6	*	*	*			*	*	*	*
4 日 (木)	○	1	m1	m1	m1	11 日 (木)	○	1	n1	n1	n1	18 日 (木)	○	1	m1	m1	m1	25 日 (木)	×	1	行	行	行						
期末懇談日①		2	m2	m2	m2	金 1 ～ 5 + 木 6		2	n2	n2	n2			2	m2	m2	m2	2学期終業式		2	学	学	学						
		3	m3	m3	m3			3	n3	n3	n3			3	m3	m3	m3			3	/	/	/						
3 年T&P(理)		4	m4	m4	m4			4	n4	n4	n4			4	m4	m4	m4			4	/	/	/						
		*	/	/	/			5	n5	n5	n5			5	m6	総	総			5	/	/	/						
		*	/	/	/			6	m6	総	総			6	/	/	/	no部活day		6	/	/	/						
5 日 (金)	○	1	n3	n3	n3	12 日 (金)	○	1	k1	k1	k1	19 日 (金)	○	1	n1	n1	n1	26 日 (金)		*	*	*	*						
期末懇談日②		2	n4	n4	n4	火曜授業		2	k2	k2	k2	金 1 ～ 5 + 木 5		2	n2	n2	n2	冬季休業		*	*	*	*						
3 年T&P(英)		3	m3	m3	m3			3	k3	k3	k3	3年学年末テスト範囲発表		3	n3	n3	n3			*	*	*	*						
金 3 4 木 3 4		4	m4	m4	m4			4	k4	k4	k4	6組小中交流会 (西岡小)		4	n4	n4	n4			*	*	*	*						
		*	/	/	/			5	k5	k5	k5			5	n5	n5	n5			*	*	*	*						
		*	/	/	/			6	道	道	道			6	m5	m5	m5			*	*	*	*						
6 日 (土)						13 日 (土)						20 日 (土)						27 日 (土)											
7 日 (日)						14 日 (日)						21 日 (日)						28 日 (日)											

※ 凡例：月…g, 火…k, 水…s, 木…m, 金…n。（例えば月1はg1となります。）

☆ 給食有無の表示 給食あり○ 一部学年あり△ 給